

Số: 04/GPMT- UBND

Quỳnh Phụ, ngày 08 tháng 8 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3323/QĐ-BTNMT ngày 01/12/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường và hồ sơ đã chỉnh sửa bổ sung hoàn chỉnh kèm theo văn bản giải trình của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Đạt Gia;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 452/TTr-TNMT ngày 08/8/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH sản xuất và thương mại Đạt Gia (sau đây gọi là Công ty) tại thôn Vũ Hạ, xã An Vũ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung:

- Tên cơ sở: Nhà máy gia công mũ giày vải.
- Địa điểm hoạt động: thôn Vũ Hạ, xã An Vũ, huyện Quỳnh Phụ.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0201344032 cấp lần đầu ngày 20/12/2013 và cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 04/07/2019.
- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: gia công mũ giày vải.
- Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:
  - Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
  - Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
  - Tổng vốn đầu tư: 24.671.382.000 đồng

- Công suất: Sản lượng 1.900.000 đôi mũi giày/năm.
- Tổng số cán bộ, công nhân nhà máy là 550 người.
- Tóm tắt quy trình sản xuất: Cắt, in xoa, in logo (in cao tần), kẻ vẽ rầy may mũi giày, sản phẩm hoàn chỉnh, nhập kho, xuất hàng.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Đạt Gia:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày ký Giấy phép).

**Điều 4.** Phòng Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân xã An Vũ tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Công ty;
- Cổng Thông tin điện tử huyện Quỳnh Phụ;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Phát**

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**  
**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép số 04/GPMT - UBND ngày 08/8/2024 của Ủy ban nhân dân  
huyện Quỳnh Phụ)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh.
- Nguồn số 2: Khu vệ sinh nhà hành chính.
- Nguồn số 3: Nước thải từ nhà bếp, nhà ăn.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng thải.**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh nội đồng nằm ở phía sau dự án.

2.2. Vị trí xả nước thải: Mương nội đồng phía sau dự án

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2283958.54; Y = 595371.260 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 23,8 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục (24/24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 14:2008/BTNMT (cột A), k=1 (cơ sở trên 500 người), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT		Tần suất quan trắc định kỳ
			Cột A	C <sub>max</sub>	
1	pH	-	5 đến 9	5 đến 9	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, định kỳ (theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP)
2	BOD5 (20 °C)	mg/l	30	30	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	50	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	500	
5	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1,0	1,0	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	5	
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	30	30	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10	10	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	5	
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	6	6	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000	3.000	

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải: Nước thải phát sinh được thu gom bằng hệ thống đường ống kín đưa về hệ thống xử lý; nước thải sau khi được xử lý được dẫn ra vị trí nguồn tiếp nhận.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Xây dựng 01 trạm xử lý nước thải sinh hoạt kiểu hợp khối gồm 2 cụm bể chính gồm các bể xử lý, kích thước lần lượt:

<b>STT</b>	<b>Thông số kỹ thuật</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Thể tích</b>
1	Bể tự hoại	m <sup>3</sup>	50
2	Bể tách dầu mỡ (LxBxH): 1,7x1,05x1,5 (m)	m <sup>3</sup>	2,67
3	Hố thu gom (LxBxH): 3,0x1,8x1x2,0 (m)	m <sup>3</sup>	10,8
4	Bể thiếu khí (LxBxH): 3,0x1,6x1x3,0 (m)	m <sup>3</sup>	14,4
5	Bể hiếu khí (LxBxH): 3,0x2,5x3,0 (m)	m <sup>3</sup>	22,5
6	Bể lắng (LxBxH): 3,0x1,5x3,0 (m)	m <sup>3</sup>	5
7	Bể đệm vi sinh (LxBxH): 3,0x1,0x3,1 (m)	m <sup>3</sup>	9,3
8	Bể lọc (LxBxH): 1,8x1,0x2,5 (m)	m <sup>3</sup>	4,5
9	Bể trung gian (LxBxH): 1,0x1,0x2,5(m)	m <sup>3</sup>	2,5
10	Bồn chứa bùn	m <sup>3</sup>	2
11	Bể khử trùng (LxBxH): 3,0x1,0x2,0 (m)	m <sup>3</sup>	6

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải được xử lý theo quy trình công nghệ được tóm tắt như sau: Nước thải từ khu vực nhà ăn được xử lý sơ bộ qua song chắn rác và bể tách dầu mỡ được dẫn về bể gom nước thải (Hố thu gom); Nước thải từ khu vệ sinh công nhân, văn phòng được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó được đưa về bể gom nước thải (Hố thu gom). Nước thải từ bể gom (Hố thu gom) → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể đệm vi sinh → Bể lọc → Bể trung gian → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận (Kênh nội đồng)

- Công suất thiết kế: 40 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Methanol, NaOH, NaOCl, PAC.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ 01/8/2024 đến 30/09/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: theo vị trí, tọa độ đã nêu tại phần A của Phụ lục này

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại phần A Phụ lục này)

Quy chuẩn so sánh: QCVN 14: 2008/BTNMT cột A giá trị C<sub>max</sub>

2.3. Tần xuất lấy mẫu: theo quy định hiện hành

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm phân A Phụ lục này trước khi xả ra môi trường. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải, lập và cập nhật sổ nhật ký vận hành trạm xử lý nước thải theo quy định.

3.2. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, Công ty phải báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ, phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện, Ủy ban nhân dân xã An Vũ.

## Phụ lục 2

# BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép số 04/GPMT - UBND ngày 08/8/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:** phát sinh từ máy móc, thiết bị sản xuất trong nhà xưởng gồm:

- Nguồn số 01: Khu vực nhà xưởng sản xuất số 1;
- Nguồn số 02: Khu vực nhà xưởng sản xuất số 2;
- Nguồn số 03: Khu vực kho;

**2. Vị trí phát sinh:** Khu vực xưởng sản xuất ứng với nguồn phát sinh được giới hạn bởi tọa độ:

- Nguồn số 1: Tọa độ X(m): 2283931; Y(m): 595047;
- Nguồn số 2: Tọa độ X(m): 2283896; Y(m): 585361;
- Nguồn số 3: Tọa độ X(m): 2283875; Y(m): 595332.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^0$ ).

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:**

3.1. Tiếng ồn: áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT

STT	Khu vực	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Khu vực thông thường	70	55	-

3.2. Độ rung: áp dụng QCVN 27:2010/BTNMT

STT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ
		Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	Khu vực thông thường	70	60	-

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Ưu tiên sử dụng các thiết bị có mức ồn thấp.
- Xây dựng kế hoạch làm việc hợp lý: Các thiết bị thi công gây tiếng ồn lớn không được hoạt động cùng thời điểm để tránh hiện tượng cộng hưởng tiếng ồn, hạn chế làm việc ca đêm,...)

- Các phương tiện di chuyển hạn chế dùng còi trong khu vực.
- Thay thế các thiết bị không đạt kiểm định chất lượng.
- Đối với các thiết bị có độ ồn lớn, chống rung lan truyền bằng cách dùng kết cấu đàn hồi giảm rung như hộp dầu giảm chấn hay gối đàn hồi cao su,...
- Thiết kế thêm các vách cách âm bằng vách Panel cho nhà để cách âm và tránh gây ảnh hưởng tiếng ồn đến khu vực xung quanh.

## 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Quá trình vận hành máy móc, thiết bị phải thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đảm bảo hoạt động hiệu quả, không gây tiếng ồn, độ rung.

### Phụ lục 3

## YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép số 04/GPMT - UBND ngày 08/8/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ)

### A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

#### 1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Giẻ lau dính dầu mỡ, dầu thải máy, cặn dầu thải, bóng đèn huỳnh quang, pin, ắc quy thải, hộp mực in thải,... phát sinh khoảng 129,4 kg/năm.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Chất thải rắn sản xuất: 269 kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Bao gồm thực phẩm thừa, nhựa, giấy, bã trà, bã cà phê... phát sinh khoảng 308 kg/ngày.

#### 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa loại 50 lít/thùng có nắp đậy và dán nhãn cảnh báo.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 10m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Thiết kế mặt sàn khu vực lưu giữ đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có thiết bị PCCC khi cần thiết, có biển dấu hiệu cảnh báo, có sổ nhật ký và cán bộ quản lý kho lưu giữ chất thải nguy hại; có vật liệu hấp thụ (như cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom, lưu giữ tại kho chứa diện tích 30 m<sup>2</sup>, thiết kế, cấu tạo nhà kiên cố tường xây gạch, lợp tôn, nền tôn cao 20cm so với cốt nền... đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: được thu gom vào các thùng chứa rác chất liệu nhựa có nắp đậy, dung tích 20 lít tại khu vực nhà ăn, văn phòng, khu vệ sinh, tổ cắt, đầu xưởng, cuối xưởng, khu bảo vệ, khu nhà văn phòng để thu gom rác phát sinh, rác được phân loại tại nguồn. Tại nhà xưởng, khuôn viên cơ sở là thùng rác lớn, dung tích 50 -100 lít/thùng Cuối ngày được thu gom vận chuyển ra khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt của xã An Vũ.



## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Xây dựng quy trình vận hành, quản lý hệ thống các công trình, thiết bị xử lý chất thải; vận hành hệ thống, thiết bị đúng quy trình, thường xuyên kiểm tra hoạt động của máy móc, thiết bị và các hạng mục của hệ thống, công trình, thiết bị xử lý chất thải kịp thời phát hiện và khắc phục nếu sự cố xảy ra.

- Trang bị, lắp đặt thiết bị, phương tiện chữa cháy như chuông báo cháy tự động, bình bọt, bình khí cùng với các thiết bị thủ công như bơm tay, các bình xịt...

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của các thiết bị phòng chống cháy nổ như: bể nước, thiết bị báo cháy, dây dẫn nước, bình xịt... kịp thời thay thế, bổ sung khi bị hỏng, mất mát.

- Tổ chức tập huấn PCCC cho cán bộ nhân viên công ty đồng thời phối hợp với cảnh sát PCCC khi xảy ra sự cố cháy nổ lớn.

- Lưu giữ, tập kết nguyên nhiên liệu dễ cháy trong các kho cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện.

### **Phụ lục 4**

#### **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép số 04/GPMT - UBND ngày 08/8/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ)*

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

2. Gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường đến cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định.

3. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.